TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 856/2025/HS-PT
Ngày 26-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 640/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

1. Trần Văn H, sinh năm 1983, tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: thôn B, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình); nơi ở hiện nay: khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị N1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Sỹ S, sinh năm 1998, tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An); nơi ở hiện nay: số nhà F, đường Đ, tổ B, khu phố F, phường P, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố P, phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ H1 và bà Trần Thị P; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T1 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/11/2024

đến ngày 22/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Văn V, sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: tổ C, khu phố F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: đường NJ14, tổ A, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V1 và bà Nguyễn Thị V2; bị cáo có vợ tên Bùi Thị Hải H2, sinh năm 1995 và có 01 sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Thành V3, sinh năm 1996, tại tỉnh Quảng Trị; nơi thường trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị); nơi tạm trú: nhà trọ Tạ Xuân L, số B, đường L, tổ B, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Đ và bà Trần Thị L1; bị cáo có vợ tên Trần Thị Thu H3 và có 01 con sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16-11-2024 đến ngày 22-11-2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Vương Cường P1, sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số F, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Hiệp S1 và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Trúc L2 và có 02 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16-11-2024 đến ngày 22-11-2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V:* Ông Võ Thanh S2, Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành V3, Vương Cường P1:* Ông Trần Bảo A, Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại; 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3 và Vương Cường P1 đều là công nhân làm việc tại bộ phận bảo trì của Công ty Trách nhiệm hữu hạn U (gọi tắt là Công ty U), địa chỉ tại lô C, đường N, Khu công nghiệp S,

phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông L3, C1, quốc tịch Hồ N (Trung Quốc) làm Giám đốc. Hàng ngày, nhóm của H bắt đầu làm việc từ lúc 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút thì tan ca ra về. Nếu tăng ca làm thêm thì từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút. Khoảng 16 giờ 30 phút một ngày đầu tháng 10-2024 (không nhớ rõ ngày nào), trước khi ra về thì H, S, Văn V, Thành V3 và P1 bàn bạc với nhau chờ quản lý của nhóm bảo trì là ông Sun Xin X, quốc tịch Hồ N (Trung Quốc) ra về thì cả nhóm sẽ cắt lấy trộm dây cáp điện lõi đồng của công ty đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cả nhóm thống nhất phân chia vai trò như sau: H và Thành V3 là người đứng cảnh giới; P1 là người che camera an ninh; S là người kéo dây cáp điện ra cho Văn V cắt. Sau khi bàn bạc xong, đợi khi ông S3 Xin Xiang ra về thì cả nhóm lấy máy cắt cầm tay chuyên dùng để cắt sắt và đi đến chỗ để cuộn dây cáp điện loại CXV400 nằm gần cửa sổ xưởng 4 với xưởng 3 rồi đi vào bên trong xưởng 4 kéo dây điện từ cuộn dây luồn vào bên trong để thay nhau cắt thành từng đoạn dài khoảng 20 - 25 cm bỏ vào thùng carton hình chữ nhật để lên xe đẩy hàng và đẩy về phòng làm việc tại xưởng 8. Tại đây, nhóm H chia nhau mỗi người khoảng 05 đến 06 đoạn dây cáp điện, tổng chiều dài từ 01 đến 1,2 mét, sau đó cất giấu vào ba lô rồi chia ra từng ngày đem ra khỏi công ty. Sau khi lấy trộm được dây điện, nhóm H đi đến cơ sở thu mua phế liệu H6, địa chỉ tại khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) bán cho chủ cơ sở là chị Trần Thị H4, sinh năm 1995, thường trú tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa). Với thủ đoạn như trên từ ngày 10-10-2024 đến ngày 18-10-2024, Trần Văn H và đồng phạm đã 04 lần thực hiện hành vi cắt trộm dây cáp điện của Công ty U mang đi bán, thu lợi bất chính số tiền 17.100.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 10-10-2024, H, S, Văn V, Thành V3 và P1 đã cắt trộm được 08 mét dây cáp điện loại Cadivi CXV400. Sau đó, Văn V mang đi bán được số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền này, nhóm H sử dụng ăn uống hết 4.000.000 đồng, số tiền còn lại chia đều mỗi người được 400.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 13-10-2024, H, S, Văn V, Thành V3 và P1 cắt trộm được 10 mét dây cáp điện loại Cadivi CXV400. Sau đó, Văn V bán được số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền này, nhóm H sử dụng ăn uống hết 4.000.000 đồng, số tiền còn lại chia đều mỗi người được 800.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 15-10-2024, H, S và Văn V cắt trộm được 05 mét dây cáp điện loại Cadivi CXV3*150+1*95. Sau đó, S bán được số tiền 2.100.000 đồng. Số tiền này, H, S và Văn V chia đều mỗi người được 700.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 18-10-2024, H và S cắt trộm được 03 mét dây cáp điện loại Cadivi CXV200. Sau đó, S bán được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền này, H và S chia đều mỗi người được 500.000 đồng.

Đến ngày 07-11-2024, ông Sun Xin X phát hiện các cuộn dây cáp điện để giữa hành lang xưởng 3 và xưởng 4 đã bị người khác lấy trộm nên đã báo cho giám

đốc Công ty U biết. Qua kiểm tra lại dữ liệu camera, công ty phát hiện Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3 và Vương Cường P1 là những người đã thực hiện hành vi cắt lấy trộm các cuộn dây cáp điện nêu trên. Qua kiểm tra, Công ty U xác định số dây cáp điện bị nhóm P1 lấy trộm gồm: 70 mét dây cáp điện loại CXV400, trị giá 79.479.750 đồng; 10 mét dây cáp điện loại CXV 3*150+1*95, trị giá 16.719.270 đồng; 20 mét cáp điện loại CXV 200, trị giá 11.978.260 đồng. Tổng trị giá các tài sản bị mất trộm theo đại diện Công ty trình báo là 108.177.280 đồng. Tuy nhiên, qua làm việc thì đại diện Công ty U không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, phiếu xuất nhập kho hay tài liệu gì để xác định cụ thể số lượng dây cáp điện bị chiếm đoạt như đã trình báo.

Đến ngày 15-11-2024, đại diện Công ty U là anh Lê Q đến Đồn Công an Khu công nghiệp Kim H5 trình báo vụ việc. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 301/KL-HĐĐGTS ngày 21-11-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 mét dây cáp điện CADIVI CXV-400mm2 - 0.6/1kV, vỏ nhựa bọc ngoài màu đen tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 1.032.337đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐGTS ngày 19-6-2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 mét dây cáp điện CADIVI CXV3*150+1*95 trị giá 1.520.130 đồng; 01 mét dây cáp điện CADIVI CXV200 trị giá 544.536 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - bạc, biển số 61B1-157.32 thu giữ của Vương Cường P1, qua điều tra xác định là tài sản cá nhân của P1 và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A-Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực A-Thành phố Hồ Chí Minh để Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 11 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 74D1-270.3 thu giữ của Nguyễn Thành V3, qua điều xác định là tài sản cá nhân của V3 và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh để Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y33S và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh-đen-bạc, biển số 37G1-812.35 thu giữ của Nguyễn Sỹ S, qua điều tra xác định là tài sản cá nhân của S và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh để Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A15 thu giữ của Nguyễn Văn V, qua điều tra xác định là tài sản cá nhân của Văn V và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A -Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh để trả lại cho Văn V. Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số 61N1-5396 thu giữ của Văn V, qua điều tra xác định xe trên do Văn Vũ M của cha ruột là ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1956, thường trú tại khu phố F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) để làm phương tiện đi lại và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh để Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A14 thu giữ của Trần Văn H, qua điều tra xác định là tài sản cá nhân của H và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh để trả lại cho H. Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển số 38F4-4105 thu giữ của H, qua điều tra xác định xe trên do H mượn của vợ là chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1982, thường trú tại: thôn B, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình) để làm phương tiện đi lại và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh để Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 USB chứa các đoạn video liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Văn H, Vương Cường P1, Nguyễn Văn V, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Thành V3 (do anh Lê Q) giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đóng dấu bút lục và lưu theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã liên đới nộp số tiền bồi thường cho Công ty U là 79.000.000 đồng (Phát bồi thường 26.300.000 đồng; Văn V bồi thường 26.400.000 đồng; Thành V3 bồi thường 26.300.000 đồng). Quá trình điều tra, bị hại không yêu cầu giải quyết gì thêm và đề nghị xử lý Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3 và Vương Cường P1 theo quy định pháp luật.

Đối với Trần Thị H4 (cơ sở thu mua phế liệu H6), quá trình điều tra H4 khai chỉ thu mua dây cáp điện (lõi đồng) một lần của nam thanh niên (không nhớ rõ mặt) vào khoảng tháng 10/2024 số lượng khoảng 10kg với giá 2.100.000 đồng và không biết số dây cáp điện trên là do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H4 về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Cáo trạng số 22/CT-VKSKV15 ngày 29-7-2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3, Vương Cường P1 về tội "Trộm cắp tài sản"

quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3, Vương Cường P1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16-11-2024 đến ngày 22-11-2024.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22-11-2024.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22-11-2024.

2.4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V3 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16-11-2024 đến ngày 22-11-2024.

2.5. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Xử phạt bị cáo Vương Cường P1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16-11-2024 đến ngày 22-11-2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Xét thấy, hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà mỗi bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Về vai trò trong vụ án được xác định như sau: Các bị cáo cùng nhau bàn bạc, phân công trách nhiệm nên có vai trò ngang nhau. Bị cáo H tham gia nhiều vụ trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt nhiều hơn các bị cáo còn lại. Khi quyết định hình phạt Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo H 02 năm 06 tháng tù, bị cáo S 02 năm 03 tháng tù, bị cáo Văn V 02 năm 03 tháng tù, bị cáo Thành V3 02 năm tù và bị cáo P1 02 năm tù là phù hợp.

Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3 và Vương Cường P1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới.

Do đó, không có cơ sở xem xét, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S và Nguyễn Thành V3 trình bày bài bào chữa có nội dung:* Thống nhất tội danh, điều luật mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của các bị cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới là đơn xin bãi nại, đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại. Mặc dù bị hại không chứng minh được thiệt hại thực tế nhưng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại lớn hơn nhiều so với số tiền các bị cáo chiếm đoạt. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, con còn nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành V3, Vương Cường P1 trình bày bài bào chữa có nội dung:* Thống nhất tội danh, điều luật mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo và cung cấp thêm

tình tiết giảm nhẹ mới là bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đối với bị cáo Thành V3 có con mới sinh năm 2025, vợ chồng bị cáo đang thuê trọ, cuộc sống khó khăn; bị cáo Vương Cường P1 có 02 con sinh đôi năm 2019. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, trường hợp nếu không cho các bị cáo hưởng án treo thì kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

** Bị cáo Vương Cường P1 trình bày:* bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, chấp hành pháp luật địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

** Các bị cáo khác không tranh luận.*

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo vì các bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh rất khó khăn, cho bị cáo ở ngoài để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: từ ngày 10/10/2024 đến ngày 18/10/2024, các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Sỹ S, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thành V3 và Vương Cường P1 đã có hành vi cùng bàn bạc, tự phân công vai trò, nhiệm vụ để lén lút chiếm đoạt dây cáp điện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn U, như sau: Các bị cáo H và Thành V3 là người canh gác; bị cáo P1 là người che camera an ninh; bị cáo S là người kéo dây cáp điện ra cho bị cáo Văn Vũ C2. Sau khi cắt được dây điện, các bị cáo chia nhau mỗi người khoảng 05 đến 06 đoạn dây cáp điện với chiều dài từ 01 đến 1,2 mét, sau đó cất giấu vào ba lô rồi chia từng ngày mang ra khỏi công ty. Với thủ đoạn nêu trên, các bị cáo đã 04 (bốn) lần cùng nhau lén lút chiếm đoạt dây cáp điện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn U. Cụ thể:

Ngày 10-10-2024 và ngày 13-10-2024, các bị cáo H, P1, S, Văn V và Thành V3 cùng nhau chiếm đoạt 18 mét dây cáp điện loại CADIVI CXV-400mm2 - 0.6/1kV có trị giá 18.582.066 đồng. Ngày 15-10-2024, các bị cáo H, S và Văn V cùng nhau chiếm đoạt 05 mét dây cáp điện loại CADIVI CXV3*150+1*95 trị giá 7.600.650 đồng. Ngày 18-10-2024, các bị cáo H và S cùng nhau chiếm đoạt 03 mét dây cáp điện loại CADIVI CXV3*150+1*95 trị giá 1.633.608 đồng. Tổng trị giá các tài sản mà các bị cáo Trần Văn H, Vương Cường P1, Nguyễn Văn V, Nguyễn Sỹ S và Nguyễn Thành V3 đã chiếm đoạt của Công ty U là 27.816.324 đồng. Trong đó, bị cáo H và S chiếm đoạt tài sản trị giá 27.816.324 đồng; bị cáo

Văn V chiếm đoạt tài sản trị giá 26.182.176 đồng; Thành V3 và P1 chiếm đoạt tài sản trị giá 18.582.066 đồng.

Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "Có tổ chức" được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn H, Vương Cường P1, Nguyễn Văn V, Nguyễn Sỹ S và Nguyễn Thành V3 về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội nhiều lần, có tổ chức, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng, việc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sẽ không đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thể sửa chữa bản thân và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn H, Vương Cường P1, Nguyễn Văn V, Nguyễn Sỹ S và Nguyễn Thành V3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2025/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V3 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024.

1.5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Vương Cường P1 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2024 đến ngày 22/11/2024.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Trần Văn H, Vương Cường P1, Nguyễn Văn V, Nguyễn Sỹ S và Nguyễn Thành V3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân khu vực 15 - TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 25. (54)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Đức